

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố
nước ngoài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị V, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm 3, xã Tân L, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Doãn T, sinh năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn An V, xã Tân A, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q.
Nơi ở hiện nay tại Malaysia, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Hà Doãn T, kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân L, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q. Việc kết hôn hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị trước đây vẫn hạnh phúc bình thường. Năm 2015 vợ chồng chị V cùng bàn bạc nhất trí cho anh Hà Doãn T đi lao động xuất khẩu tại Malaysia, từ khi anh T đi lao động xuất khẩu đến nay, anh T chưa về nước lần nào. Hiện nay anh T đang lao động tại Malaysia, địa chỉ cụ thể

của anh T tại Malaysia thường xuyên thay đổi, do vậy chị V không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài.

Từ năm 2015 vợ chồng chị V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp nhau, do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày nên không còn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Vì vậy chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Doãn T.

Về con chung: Vợ chồng chị V có 01 con chung, cháu Hà Mạnh H, sinh ngày 06/02/2018, khi giải quyết ly hôn chị V đề nghị Tòa án giao cháu Hà Mạnh H, cho chị được nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Hà Doãn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Bị đơn anh Hà Doãn T hiện đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ của anh Hà Doãn T và đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xác minh thông qua mẹ đẻ anh T là bà Hà Thị K, địa chỉ: Thôn An V, xã Tân A, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q.

Bà Hà Thị K có ý kiến như sau: Bà Hà Thị K là mẹ đẻ của anh Hà Doãn T, anh T đăng ký hộ khẩu: Thôn An V, xã Tân A, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Nhưng hiện nay anh T đang sinh sống và lao động tại Malaysia, địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài, bà K không biết, anh T thỉnh thoảng vẫn gọi điện về hỏi thăm sức khỏe vợ chồng ông bà. Về quan hệ vợ chồng, anh Hà Doãn T và chị Nông Thị V, kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị V cùng đi lao động xuất khẩu tại lao động tại Malaysia. Hiện nay chị V đã về nước còn anh T vẫn sinh sống tại Malaysia. Về mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị V khởi kiện xin ly hôn với anh T, bà K không nắm được do anh chị tự giải quyết. Về con chung anh T và chị V không có con chung. Nhưng chị V có con riêng với người khác. Về tài sản chung và vay nợ chung của anh T và chị V, bà K không nắm được, do anh T và chị V tự giải quyết.

Do anh Hà Doãn T đang ở nước ngoài, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V; Xử cho chị Nông Thị V được ly hôn với anh Hà Doãn T. Về con chung giao cháu Hà Mạnh H, sinh ngày 06/02/2018 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nông Thị V và anh Hà Doãn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2009, tại Ủy ban nhân dân

xã Tân L, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh T và chị V là hôn nhân hợp pháp. Ngày 25/4/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 403/PA08 – Đ1 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân nội dung “Họ và tên Hà Doãn T, sinh ngày 07/02/1979, địa chỉ: Thôn An V, xã Tân A, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Giới tính. Nam; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số A1167612A, Cấp ngày 01/6/2004. Ngày 29/5/2015 Hà Doãn T xuất cảnh tại Sân bay quốc tế Nội Bài”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu xác định anh Hà Doãn T hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Hà Doãn T hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, mẹ đẻ anh T xác nhận anh T vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ tuy nhiên bà K không biết địa chỉ cụ thể của anh T. Do vậy xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị V:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Nông Thị V phù hợp với ý kiến trình bày của mẹ đẻ anh T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị V và anh T có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hiện chị V và anh T ở hai nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T đã thực sự không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nông Thị V, như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị V và anh T có 01 con chung là cháu Hà Mạnh H, sinh ngày 06/02/2018 hiện nay đang sống chung cùng chị V, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và nguyện vọng về việc nuôi con của chị V cần giao cháu Hà Mạnh H cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế. Đối với ý kiến của bà Hà Thị K trình bày anh T và chị V không có con chung, nhưng bà K không cung cấp được tài liệu chứng cứ, nên không có cơ sở xem xét. Việc chị V có con chung cháu Hà Mạnh H là con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân với anh T, nên xác định cháu Hùng là con chung của anh T và chị V là phù hợp.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị Nông Thị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nông Thị V là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nông Thị V và anh Hà Doãn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị V.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị V được ly hôn với anh Hà Doãn T. Theo giấy đăng ký kết hôn số 75 ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Mạnh H, sinh ngày 06/02/2018 cho chị Nông Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000052 ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nông Thị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị V có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Doãn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã Tân An, huyện Chiêm Hoá;
- UBND xã Tân Long, huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam

